

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN HẢI CHÂU
TP ĐÀ NẴNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 167/2018/QĐST - HNGĐ

Hải Châu, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số 136/2018/TLST - HNGĐ ngày 04/5/2018 giữa người yêu cầu:

Bà **Trần Thị Thu T** – Sinh năm: 1993 - Địa chỉ: Tổ 6, Cồn M, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Ông **Trần Đình N** – Sinh năm: 1985 - Địa chỉ: Số K64/6 đường D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/5/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/5/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà **Trần Thị Thu T**.

Và ông **Trần Đình N**.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Thu T và ông Trần Đình N thống nhất thoả thuận thuận tình ly hôn.

*** Về quan hệ con chung:** Bà Trần Thị Thu T và ông Trần Đình N thống nhất thoả thuận giao con chung tên là Trần Hoàng Bảo Q - Sinh ngày: 25/3/2014 cho ông

Trần Đình N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên và bà Trần Thị Thu T không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

*** Về quan hệ tài sản chung:** Không tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Về quan hệ nợ chung:** Không có nợ ai và không ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về lệ phí dân sự sơ thẩm:**

Lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng bà Trần Thị Thu T và ông Trần Đình N cùng chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà T và ông N đã nộp theo biên lai thu số 0003266 ngày 03/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3/ Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự*
- *VKSND q.Hải Châu*
- *UBND phường H*
- *Quận H, TP Đà Nẵng*
- *Lưu hồ sơ*

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thu Ba